



**KẾ HOẠCH**

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước  
tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH:**

- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020;
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin (viết tắt là CNTT) đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước (viết tắt là CQNN);
- Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của CQNN;
- Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;
- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về CNTT và truyền thông”;
- Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

- Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;

- Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 03/1/2017 của Tỉnh ủy Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị Khóa XI về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 1.0;

- Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN giai đoạn 2016 - 2020;

- Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016-2020.

## **II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CQNN**

### **1. Môi trường pháp lý**

- Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh về việc



ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT của các CQNN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của CQNN trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 29/8/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

- Quyết định số 478/QĐTC-CTUBND ngày 10/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Ban Chỉ đạo phát triển CNTT tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2015;

- Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN giai đoạn 2011- 2015 tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 25/3/2011 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển thương mại điện tử tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2015;

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 20/02/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 10/5/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển CNTT và truyền thông giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng về xây dựng khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng;

## **2. Hạ tầng kỹ thuật**

- 100% các sở, ban ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện) đều đã có hệ thống mạng nội bộ, tất cả các máy tính có nhu cầu đều đã được kết nối Internet. 73,39% (80/109) xã, phường, thị trấn đã có hệ thống mạng nội bộ (LAN) và đều được kết nối Internet.

- 100% các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện đều được tham gia kết nối vào hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Tỷ lệ bình quân máy tính trên cán bộ, công chức của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện đạt 100%.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh được tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng;

Tổng số có 17 máy chủ (Trong đó có 07 máy chủ được đầu tư từ năm 2009 - nay hết giá trị sử dụng). Hệ thống bảo mật, an ninh bao gồm các thiết bị firewall (05 thiết bị, trong đó có 01 web filter, 01 spam mail), 01 thiết bị phòng chống tấn công DDOS, hệ thống lưu trữ tập trung SAN (có tổng dung lượng là 24 TB), hệ thống cân bằng tải đường truyền (link balancer), hệ thống giám sát an ninh phòng máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chống sét và một số thiết bị khác. Tổng dung lượng kết nối Internet tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu là 232 Mbps (1 leased line 32 Mbps và 2 line FTTH 100 Mbps). Cung cấp dịch vụ ảo hóa máy chủ trên nền Điện toán đám mây (Cloud Computing).

### **3. Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong nội bộ CQNN**

- Triển khai hoàn thành và đưa vào sử dụng Hệ thống Cổng thông tin điện tử gồm 01 Cổng chính và 31 Cổng thông tin thành phần của các sở, ban ngành, UBND cấp huyện.

- Hệ thống thư điện tử tỉnh đã cấp được 3.445 hộp thư cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ trao đổi văn bản qua thư điện tử giữa các cơ quan trong tỉnh: 40%.

- Hệ thống thông tin quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành đã triển khai thử nghiệm cho 24 cơ quan (18 sở, ban ngành; 06 cơ quan cấp huyện) và đã kết nối liên thông Văn phòng UBND tỉnh kết nối với Văn phòng Chính phủ. Văn phòng UBND tỉnh kết nối với UBND thành phố Sóc Trăng và Sở Thông tin và Truyền thông (Thí điểm để triển khai đồng bộ toàn tỉnh trong năm 2017). Tỷ lệ văn bản đi, đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi, đến trong nội bộ mỗi cơ quan (tính trung bình trên toàn tỉnh, thành phố) (%): 80%; Tỷ lệ văn bản đi, đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi, đến với các cơ quan bên ngoài tỉnh, thành phố (%): 40%

- Hệ thống Hội nghị truyền hình đã triển khai tại 03 điểm cầu chính cấp tỉnh, 11 điểm cầu cấp huyện.

- Ứng dụng chữ ký số chuyên dùng đã cấp chứng thư số cho 23 cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện và 81 cá nhân là lãnh đạo các sở, ban ngành, UBND cấp huyện và một số công chức quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng CNTT tại các cơ quan chuyên môn: đã triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do Bộ, ngành, Trung ương triển khai như: cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu tư pháp, đăng ký kinh doanh, phần mềm quản lý cán bộ, công chức và một số phần mềm ứng dụng phục vụ cho công tác chuyên môn của các Sở như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý giáo dục....

Việc triển khai các ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh theo mô hình tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai cho các đơn vị này sử dụng nhiều giải pháp phần mềm khác nhau.

### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Tính đến hiện tại, đã có 87 cơ quan được trang bị hệ thống một cửa điện tử



(một cửa liên thông hiện đại, gồm: 16 sở, ban ngành, 11 huyện, thị xã, thành phố, 60 xã, phường, thị trấn). Tất cả các dịch vụ hành chính công các cấp đều được cung cấp trực tuyến trên các hệ thống một cửa điện tử tối thiểu ở mức độ 2. Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua bộ phận một cửa trên toàn địa phương trong năm 2016 là: 88.677 và được xử lý đúng hạn: 64.288, đạt 72,4%.

- Đã triển khai một số dịch vụ công trực tuyến tại 02 sở là Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài nguyên và Môi trường với tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 82 thủ tục. Trong đó dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 28 (Sở Kế hoạch và Đầu tư 19 – trong đó có 5 dịch vụ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai, Sở Tài nguyên và Môi trường 9); mức độ 4 là 54 (tất cả ở Sở Kế hoạch và Đầu tư – trong đó có 35 dịch vụ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai).

- Hiện có 94,44% các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh có Cổng, Trang thông tin điện tử, cung cấp đầy đủ các thông tin chủ yếu theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của CQNN (gọi tắt là Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ) và đăng tải toàn bộ 1.975 quy trình, thủ tục hành chính công trực tuyến đạt mức độ 2 theo Đề án 30 của tỉnh.

## **5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

- Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức sử dụng được máy tính trong công việc.

- Hiện nay, nhiều Sở, ban ngành, UBND cấp huyện chưa bố trí cán bộ, công chức chuyên trách về CNTT, chỉ phân công cán bộ phụ trách về CNTT.

- Hàng năm, các cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT, phục vụ tốt hơn cho cơ quan, đơn vị.

## **6. Kinh phí triển khai ứng dụng CNTT giai đoạn 2011 - 2015**

Trên cơ sở Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh về ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh Sóc Trăng đã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng và phát triển CNTT giai đoạn 2011 - 2015 với tổng số tiền là 53.441 triệu đồng, đạt 48,2% so với kế hoạch.

*(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).*

## **7. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

Trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT phục vụ cho cải cách hành chính của CQNN trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cụ thể như sau:

- Các CQNN cấp tỉnh và UBND cấp huyện đều có Cổng thông tin điện tử, tuy nhiên một số Cổng thông tin điện tử cập nhật thông tin còn chậm hoặc chưa cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày

13/6/2011 của Chính phủ, cũng như cập nhật kịp thời các thay đổi, điều chỉnh của bộ thủ tục hành chính công theo quy định.

- Hệ thống một cửa điện tử triển khai cho các CQNN trên địa bàn tỉnh chỉ đáp ứng nhu cầu xử lý nội bộ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cơ quan, và phần lớn chưa thực hiện được việc tiếp nhận hồ sơ, thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp qua môi trường mạng. Chưa thực hiện được việc liên thông hồ sơ, thủ tục hành chính giữa nhiều cơ quan khác nhau theo chiều ngang cũng như chiều dọc.

- Phần lớn dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 2, do đó muốn thực hiện các hồ sơ, thủ tục hành chính, người dân và doanh nghiệp vẫn phải trực tiếp điền vào các mẫu tờ khai, đến trụ sở các cơ quan, nộp các giấy tờ có liên quan cho bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Người dân và doanh nghiệp vẫn còn thói quen trực tiếp đến các CQNN thực hiện các hồ sơ, thủ tục hành chính để tiện trao đổi và được hướng dẫn trực tiếp từ các cán bộ của CQNN, chưa làm quen với phương thức làm việc qua môi trường mạng.

- Hầu hết các cơ quan chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT có đủ trình độ để quản trị, vận hành các hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, chưa đảm bảo khả năng tùy biến, thay đổi các quy trình, hồ sơ, thủ tục hành chính mỗi khi có quyết định thay đổi bộ thủ tục hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm triển khai ứng dụng CNTT chuyên ngành, đa số chỉ ở mức ứng dụng nội bộ, công tác văn phòng. Mặt khác, do chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT có đủ trình độ nên hầu hết các cơ quan thường khi gặp phải các khó khăn trong giai đoạn đầu triển khai ứng dụng.

## **8. Bài học kinh nghiệm**

- Thứ nhất, ứng dụng CNTT thường không mang lại hiệu quả tức thời, mà là một quá trình lâu dài, liên tục, thường gặp rất nhiều khó khăn trong giai đoạn đầu do phải thay đổi thói quen, phong cách làm việc. Cần phải có sự quyết tâm, kiên trì, vượt qua giai đoạn khó khăn ban đầu mới có được hiệu quả thiết thực mang lại.

- Thứ hai, ứng dụng CNTT phải được xem như là một nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách của tất cả các ngành, các cấp. Cần lồng ghép cụ thể các tiêu chí về hiệu quả ứng dụng CNTT của các cơ quan vào các tiêu chí xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

- Thứ ba, phải bố trí và tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT cho các cơ quan. Thực tế đã minh chứng, tại cơ quan, đơn vị nào có cán bộ chuyên trách về CNTT giỏi thì cơ quan đó ứng dụng CNTT có hiệu quả cao.

- Thứ tư, việc tổ chức ứng dụng CNTT phải được nghiên cứu, triển khai theo đúng nhu cầu, tiến độ, phù hợp với tình hình kinh tế, điều kiện hạ tầng và nguồn nhân lực CNTT ở địa phương.

- Thứ năm, hiệu quả của ứng dụng CNTT phụ thuộc rất lớn vào quan điểm, sự quyết tâm của người đứng đầu các ngành, các cấp.



### **III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CQNN**

#### **1. Mục tiêu tổng quát:**

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối liên thông, chia sẻ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các CQNN trên địa bàn tỉnh với Chính phủ, các bộ ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng;

- Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chất lượng cao liên thông hiệu quả giữa các Sở, ngành trong tỉnh để đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và các tổ chức mọi lúc, mọi nơi.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong hoạt động của CQNN trên địa bàn tỉnh nhằm xử lý công việc được nhanh chóng, giảm chi phí hoạt động; đẩy mạnh cải cách hành chính. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Sóc Trăng.

- Đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nguồn nhân lực ứng dụng CNTT đảm bảo đáp ứng nhu cầu triển khai các nhiệm vụ Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật**

- 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được trang bị máy tính và thường xuyên sử dụng trong công việc.

- 100% cơ quan quản lý Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đều có hệ thống mạng nội bộ (LAN) và được kết nối liên thông.

- 100% các hệ thống mạng nội bộ của CQNN từ cấp tỉnh đến cấp huyện đều được trang bị các hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị và sử dụng chữ ký số.

- Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và hạ tầng kỹ thuật CNTT các cấp, tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử đồng bộ, kết nối liên thông, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

##### **2.2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN**

- 100% cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã được trang bị và sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành.

- 100% cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã đều được cung cấp hộp thư điện tử công vụ và thường xuyên sử dụng trong công việc.

- 100% văn bản thông thường trình UBND tỉnh, UBND cấp huyện đều được thực hiện dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song văn bản

giấy).

- 90% văn bản trao đổi giữa các CQNN dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song văn bản giấy).

- Đảm bảo tất cả các cuộc họp, hội nghị của UBND tỉnh, các cơ quan cấp tỉnh với các cơ quan cấp huyện đều có thể thực hiện thông qua môi trường mạng bằng hệ thống Hội nghị truyền hình.

- 100% các CQNN đều được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- 100% các thủ tục hành chính (thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại) ứng dụng trên phần mềm một cửa điện tử từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Xây dựng và phát triển các hệ thống thông tin chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung, từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, các cơ sở dữ liệu, mở rộng các hệ thống các cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành của các CQNN, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hạn chế đến mức thấp nhất việc cung cấp lại thông tin của người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các hồ sơ, thủ tục hành chính với CQNN.

### ***2.3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp***

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tất cả các CQNN theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

- Xây dựng cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- 60% hồ sơ, thủ tục hành chính công sẵn sàng cung cấp trực tuyến ở mức độ 3.

- 30% hồ sơ, thủ tục hành chính công sẵn sàng cung cấp trực tuyến ở mức độ 4.

## **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

Từ các mục tiêu cụ thể nêu trên, Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN giai đoạn 2016 - 2020 tập trung vào một số dự án, nhiệm vụ trọng tâm, đảm bảo xây dựng hiệu quả Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng đồng bộ, tích hợp liên thông tất cả các hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động của CQNN từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối liên thông với các cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cụ thể như sau:

### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

#### ***1.1. Mua sắm bổ sung thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh***

- Nội dung thực hiện:

- + Đầu tư bổ sung hệ thống máy chủ để ảo hóa.

- + Đầu tư bổ sung hệ thống lưu trữ để đảm bảo năng lực lưu trữ và dự phòng cho hệ thống.

- + Đầu tư bổ sung các trang thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.



+ Đầu tư thiết bị chuyển mạch (Switch) tốc độ cao để đảm bảo năng lực chuyển mạch cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng được vận hành ổn định, có độ tin cậy, tốc độ cao, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

+ Có khả năng phục hồi nhanh chóng khi có sự cố xảy ra.

+ Đáp ứng nhu cầu triển khai các ứng dụng cần triển khai.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành mua sắm, đầu tư trang thiết bị bổ sung; mở rộng cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đảm bảo đủ năng lực triển khai các dự án ứng dụng CNTT trong giai đoạn 2016-2020.

- Kinh phí dự kiến thực hiện: 8.000 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 5.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp địa phương: 3.000 triệu đồng.

### ***1.2. Bổ sung nâng cấp thiết bị và hệ thống đường truyền các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh***

- Nội dung thực hiện: Đầu tư bổ sung, thay thế các thiết bị CNTT và thuê đường truyền số liệu chuyên dùng, mạng đường truyền cho các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Phát triển ngày càng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.

+ Phục vụ việc truyền tải thông tin thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã trên phạm vi toàn tỉnh một cách nhanh chóng với độ an toàn và bảo mật cao.

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình được vận hành thông suốt, ổn định, đảm bảo tốc độ cao, an toàn và bảo mật.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến thực hiện: 17.550 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### ***1.3. Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng***

- Nội dung thực hiện: Thuê đơn vị tư vấn thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập số liệu phục vụ cho việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng. Tiến hành xây dựng Bộ tài liệu mô tả Khung kiến trúc Chính quyền điện tử.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Hoàn thành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng theo các yêu cầu của Khung kiến trúc chính phủ điện tử phiên bản 1.0 do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

+ Xác định kiến trúc ứng dụng CNTT tổng thể của tỉnh. Trong đó có các thành phần và mối quan hệ, tương tác giữa các thành phần với nhau, gắn với ứng dụng CNTT với các hoạt động nghiệp vụ.

+ Nâng cao khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin.

+ Hạn chế đầu tư trùng lắp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai.

+ Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế.

+ Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống CNTT cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, thuê đơn vị tư vấn phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện.

- Kinh phí dự kiến: 500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **1.4. Xây dựng Phần mềm lõi triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng**

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng hệ thống Phần mềm lõi theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tài liệu kiến trúc đã được phê duyệt, đáp ứng các yêu cầu của Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

+ Xây dựng các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu liên thông cấp tỉnh chuẩn LGSP (Local Government Service Platform: Dịch vụ nền tảng chính quyền địa phương). Chuẩn hóa, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu, nền tảng tích hợp, sẵn sàng cho hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương khác NGSP (National Government Service Platform: Dịch vụ nền tảng Chính phủ).

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Tất cả các phần mềm ứng dụng trong hoạt động của CQNN có quy mô cấp tỉnh được triển khai thống nhất trên nền Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

+ Tất cả hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh đều được kết nối liên thông. Đáp ứng các yêu cầu kết nối liên thông với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, ngành Trung ương và Chính phủ, góp phần xây dựng hoàn thiện Chính phủ điện tử.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc xây dựng phần mềm lõi theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng đã được phê duyệt. Triển khai hệ thống này trên Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Sóc Trăng; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đã triển khai các phần mềm đang ứng dụng trong hoạt động CQNN trên địa bàn tỉnh để thực hiện hiệu chỉnh, nâng cấp các hệ thống này và gắn kết vào hệ thống Phần mềm lõi của tỉnh.

- Kinh phí dự kiến: 6.300 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 5.300 triệu đồng, vốn sự nghiệp địa phương 1.000 triệu đồng.

#### **1.5. Triển khai Hệ thống Hội nghị truyền hình đến cấp xã**

- Nội dung thực hiện: Đầu tư trang thiết bị và phần mềm Hội nghị truyền



hình cho 109 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Cài đặt, cấu hình kết nối vào hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh đã triển khai.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Các cuộc họp, hội nghị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đều có thể triển khai bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống Hội nghị truyền hình từ tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh.

+ Các cuộc họp, hội nghị của Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, HĐND, UBND cấp huyện đều có thể triển khai bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống Hội nghị truyền hình từ cấp huyện đến cấp xã trên địa bàn.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 4.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương)

## **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ CQNN**

### **2.1. Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành**

- Nội dung thực hiện:

+ Mua sắm phần mềm Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành, triển khai cho tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện kết nối liên thông vào Trục liên thông Hệ thống thông tin Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành của Văn phòng Chính phủ.

+ Chuẩn hóa dữ liệu, nền tảng chia sẻ dữ liệu theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Tất cả văn bản chỉ đạo điều hành của các CQNN trên địa bàn tỉnh đều có thể thực hiện liên thông hoàn toàn trên môi trường mạng.

+ Cán bộ, công chức, viên chức có thể xử lý văn bản mọi lúc, mọi nơi thông qua môi trường mạng.

+ Liên thông với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

+ Tiết kiệm được chi phí, thời gian so với sử dụng văn bản giấy.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban ngành, UBND từ cấp huyện đến cấp xã triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **2.2. Xây dựng hệ thống ISO điện tử**

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng chương trình quản lý các tiêu chuẩn, chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001 cho các CQNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

+ Thực hiện quản lý, công bố mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng

thông qua các phương tiện điện tử.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

- + Tự động hóa việc quản lý tiêu chuẩn, chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 thông qua kết quả khai thác các chương trình ứng dụng, các hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động của CQNN trên địa bàn tỉnh.

- + Giảm tối thiểu chi phí, thời gian cho việc kiểm tra, quản lý, công bố các tiêu chuẩn chất lượng tại các CQNN.

- + Tăng tính khách quan trong việc công bố tiêu chuẩn, chất lượng trong hoạt động của các CQNN.

- Phân công thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chương trình quản lý tiêu chuẩn, chất lượng theo tiêu chuẩn Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, triển khai cho các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Kinh phí dự kiến: 1.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **2.3. Xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh**

#### **2.3.1. Chuẩn hóa hệ thống một cửa điện tử**

- Nội dung thực hiện: Chi thiết kế bổ sung các giao diện tích hợp (API), chuẩn hóa dữ liệu hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Hệ thống một cửa điện tử phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, đảm bảo hệ thống một cửa điện tử có thể liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các hệ thống thông tin khác trên Kiến trúc Chính quyền điện tử. Hình thành hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu về hồ sơ, thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, huyện có liên quan xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Dự kiến kinh phí: 1.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

#### **2.3.2. Chuẩn hóa hệ thống Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành**

- Nội dung thực hiện: Chi thiết kế bổ sung các giao diện tích hợp (API), chuẩn hóa dữ liệu Hệ thống Quản lý văn bản tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Hệ thống Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh, đảm bảo hệ thống hoạt động tốt và chia sẻ thông tin, dữ liệu toàn diện trên nền tảng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Dự kiến kinh phí: 500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).



### **2.3.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh**

- Nội dung thực hiện:
  - + Tiếp nhận và triển khai phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức từ Bộ Nội vụ và cài đặt tập trung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.
  - + Tích hợp thông tin cán bộ, công chức, viên chức vào hệ thống quản lý người dùng của Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.
- Dự kiến hiệu quả đạt được:
  - + Quản lý chặt chẽ, chính xác tất cả các thông tin về cán bộ, công chức, viên chức trong suốt quá trình công tác ở các CQNN, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.
  - + Nâng cao chất lượng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.
  - + Nâng cao chất lượng xét thi đua, khen thưởng.
  - + Triển khai quản lý tập trung người dùng trong việc khai thác các ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN.
- Phân công thực hiện:
  - + Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thống nhất hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức cho các CQNN, các đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn tỉnh.
  - + Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, tích hợp cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức vào khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng. Đảm bảo phương thức Đăng nhập một lần (SSO - Single Sign On) cho tất cả các hệ thống thông tin, các ứng dụng phục vụ hoạt động của CQNN trong giai đoạn.
- Kinh phí dự kiến: 1.200 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

### **2.3.4. Xây dựng hệ thống báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội**

- Nội dung thực hiện:
  - + Mua sắm phần mềm cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và triển khai cho tất cả các cơ quan có liên quan trên phạm vi toàn tỉnh.
  - + Thực hiện kết nối phục vụ tốt cho báo cáo từ cấp tỉnh đến cấp xã.
- Dự kiến hiệu quả đạt được:
  - + Tất cả các thông tin báo cáo về phát triển kinh tế - xã hội đều được thực hiện thông qua hệ thống chương trình từ cấp xã, cấp huyện, đến cấp tỉnh; thông qua các thông tin đó, hệ thống sẽ tự động tổng hợp, hình thành nên các báo cáo chi tiết cho cấp cao hơn.
  - + Hạn chế tối đa tình trạng số liệu không đồng nhất, không giống nhau trong các lần báo cáo khác nhau trên cùng một lĩnh vực, một khoảng thời gian.

+ Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh triển khai cho các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

### **2.3.5. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giáo dục**

- Nội dung thực hiện:

+ Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về ngành giáo dục của tỉnh.

+ Thiết kế xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu giáo dục của tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giáo dục phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giáo dục của tỉnh được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 3.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

### **2.3.6. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về y tế**

- Nội dung thực hiện:

+ Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về ngành y tế của tỉnh.

+ Thiết kế xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu y tế của tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về y tế phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành y tế của tỉnh được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

### **2.3.7. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giao thông vận tải**

- Nội dung thực hiện:

+ Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về ngành giao thông vận tải của tỉnh.

+ Thiết kế xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu giao thông vận tải của tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giao thông vận tải phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của ngành giao thông vận tải của tỉnh được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn.



- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

#### **2.3.8. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về lao động và chính sách xã hội**

- Nội dung thực hiện:

- + Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về lao động, chính sách xã hội của tỉnh.

- + Thiết kế xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu lao động, chính sách xã hội của tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về lao động, chính sách xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp Trung ương).

#### **2.3.9. Xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư**

- Nội dung thực hiện:

- + Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về dân cư trên địa bàn tỉnh.

- + Thiết kế xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về dân cư của tỉnh đồng bộ, thống nhất theo quy chuẩn quốc gia.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư tạo nền tảng hạ tầng thông tin dùng chung cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh; nhằm cung cấp chính xác và kịp thời thông tin cơ bản về dân cư phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu chính đáng của công dân.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 3.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **2.3.10. Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai – xây dựng**

- Nội dung thực hiện:

- + Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về đất đai – xây dựng của tỉnh.

- + Thiết kế xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về đất đai – xây dựng.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai giúp cho công tác quản lý và cập nhật, chỉnh lý biến động nguồn dữ liệu đất đai thống nhất từ tỉnh, huyện đến các xã, phường, thị trấn; đảm bảo cung cấp kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu đất đai phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **2.3.10. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên – môi trường**

- Nội dung thực hiện:

+ Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về tài nguyên – môi trường của tỉnh.

+ Thiết kế xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về tài nguyên – môi trường.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên – môi trường giúp cho công tác quản lý và cập nhật, chỉnh lý biến động nguồn dữ liệu tài nguyên – môi trường thống nhất từ tỉnh, huyện đến các xã, phường, thị trấn; đảm bảo cung cấp kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu tài nguyên – môi trường phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về tài nguyên – môi trường.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **2.3.11. Xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ**

- Nội dung thực hiện:

+ Thu thập, đánh giá, phân loại và xây dựng dữ liệu đặc tả. Nhập, chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu. Kiểm tra, nghiệm thu cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ của tỉnh;

+ Thiết kế xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ thống nhất, phục vụ hiệu quả cho các mục đích khai thác sử dụng khác nhau và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 1.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **2.3.12. Xây dựng hệ thống quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo**

- Nội dung thực hiện:

+ Tiếp nhận và triển khai phần mềm Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo từ Thanh tra Chính phủ, cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và triển khai cho tất cả các cơ quan có liên quan trên phạm vi toàn tỉnh.



+ Thực hiện kết nối liên thông giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh và với các cơ quan Trung ương.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Quản lý chặt chẽ công tác tiếp nhận đơn thư, khiếu nại, tố cáo của người dân.

+ Nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của người dân phản ánh công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước, từ đó có hỗ trợ các cấp lãnh đạo ra quyết định chỉ đạo, điều hành.

+ Nâng cao lòng tin của người dân đối với sự chỉ đạo, điều hành của các CQNN.

+ Tất cả các thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo của người dân trên phạm vi toàn tỉnh được quản lý một cách có hệ thống.

+ Công tác giải quyết, xử lý các phản ánh của người dân được thực hiện hiệu quả hơn.

+ Giảm thiểu tối đa tình trạng khiếu nại vượt cấp.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, triển khai hoàn tất cho các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Kinh phí dự kiến: 1.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **2.3.13. Nâng cấp, chuẩn hóa hệ thống Cổng thông tin điện tử**

- Nội dung thực hiện: Nâng cấp hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh đảm bảo các yêu cầu tích hợp, chia sẻ, liên thông dữ liệu của tất cả các hệ thống thông tin trên nền tảng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng. Tất cả các thông tin theo quy định từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin cấp tỉnh đều được tự động tích hợp, cung cấp trên hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành; phục vụ nhu cầu thông tin của người dân và doanh nghiệp; phục vụ các nhu cầu quảng bá, kêu gọi đầu tư, thu hút du lịch.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong xúc tiến, kêu gọi đầu tư.

+ Quảng bá tiềm năng, danh lam, thắng cảnh, văn hóa, ẩm thực đặc trưng của địa phương, thu hút khách du lịch.

+ Cung cấp đầy đủ các thông tin hoạt động của CQNN, nâng cao mức độ công khai, minh bạch với người dân.

+ Liên thông, cung cấp các dịch vụ hành chính công trực tuyến, phục vụ người dân.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 3.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

#### **3.1. Triển khai Hệ thống một cửa điện tử cho 49 xã, phường, thị trấn**

**- Nội dung thực hiện:**

+ Mua sắm phần mềm một cửa điện tử để triển khai cung cấp cho 49 xã, phường, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh.

+ Đầu tư, mua sắm trang thiết bị CNTT và hoàn thiện hệ thống LAN phục vụ cho hệ thống một cửa điện tử tại 49 xã, phường, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh.

**- Dự kiến hiệu quả đạt được:**

+ Hồ sơ, thủ tục hành chính được tiếp nhận ở tất cả các cơ quan trên địa bàn tỉnh đều có thể được xử lý thông qua môi trường mạng, liên thông giữa tất cả các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

+ Lãnh đạo từ Trung ương đến địa phương đều có thể quản lý, giám sát việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước thông qua môi trường mạng.

+ Người dân có thể xem xét, tra cứu, giám sát việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của tất cả các CQNN trên địa bàn tỉnh thông qua môi trường mạng và các phương tiện điện tử hỗ trợ.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 6.468 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **3.2. Xây dựng Cổng dịch vụ công của tỉnh và triển khai một số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4**

**- Nội dung thực hiện:**

+ Xây dựng Cổng dịch vụ công của tỉnh tích hợp, cung cấp tất cả các dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh thông qua một địa chỉ duy nhất.

+ Xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 cho các Sở, ban ngành cấp tỉnh: ưu tiên 39 dịch vụ (Phụ lục 3 đính kèm).

+ Xây dựng và cung cấp dịch vụ trực tuyến công mức độ 3 và 4 cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh: ưu tiên 4 dịch vụ (Phụ lục 4 đính kèm).

+ Xây dựng và cung cấp công trực tuyến mức 3 và 4 cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh: ưu tiên 4 dịch vụ (Phụ lục 5 đính kèm).

**- Dự kiến hiệu quả đạt được:**

+ Người dân và doanh nghiệp có thể thực hiện các hồ sơ, thủ tục hành chính với tất cả các CQNN trên địa bàn tỉnh hoàn toàn trên môi trường mạng thông qua một địa chỉ duy nhất là Cổng dịch vụ công của tỉnh.

+ Tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các hồ sơ, thủ tục hành chính.



- + Nâng cao năng lực hoạt động của các CQNN, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư của tỉnh.

- + Liên thông với các tỉnh, với các Bộ, ngành Trung ương và Chính phủ để hình thành nên Công dịch vụ công quốc gia.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND các cấp có liên quan triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

#### **4. Đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của các CQNN**

##### **4.1. Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong giao dịch của các CQNN**

- Nội dung thực hiện:

- + Trang bị chữ ký số cho các cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh (từ cấp tỉnh đến cấp xã).

- + Tập huấn, hướng dẫn sử dụng.

- + Tích hợp các Chứng thư số, chữ ký số và các dịch vụ, ứng dụng đã triển khai.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

- + Đảm bảo tính pháp lý của các thông tin được trao đổi qua môi trường mạng giữa cán bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, giữa cơ quan với người dân và doanh nghiệp.

- + Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho các ứng dụng, dịch vụ được triển khai tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai cung cấp các dịch vụ chứng thư số, chữ ký số cho tất cả các tổ chức, cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí dự kiến: 260 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

##### **4.2. Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước**

- Nội dung thực hiện:

- + Mua sắm trang thiết bị bảo mật cho các cơ quan tham gia vào hệ thống Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- + Đầu tư thiết bị bảo mật chủ tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh để giám sát, quản lý, thiết lập đồng bộ các chính sách bảo mật cho các thiết bị bảo mật của tất cả các cơ quan theo mô hình Client - Server.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

- + Thực thi mọi chính sách đảm bảo an toàn, an ninh thông tin một cách đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến tất cả các cơ quan tham gia vào hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

+ Giám sát và xác định được nguồn gốc của tất cả các thông tin vào/ra ở tất cả các cơ quan để kịp thời can thiệp, xử lý khi có dấu hiệu mất an toàn, an ninh thông tin xảy ra.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 1.700 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển địa phương).

#### **4.3. Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh**

- Nội dung thực hiện: Chi phí chi trả nhuận bút tin bài, thù lao sưu tầm, hoạt động Ban Biên tập. Chi phí trực vận hành, điện duy trì, thuê đường truyền và khắc phục sự cố hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Thông tin được cập nhật hàng ngày, phản ánh đầy đủ các hoạt động của tỉnh. Đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/24 giờ và 07 ngày trong tuần.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 4.686 triệu đồng.

#### **4.4. Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN**

- Nội dung thực hiện: Thuê dịch vụ bảo trì, vận hành cho các hệ thống thông tin cấp tỉnh đã triển khai cho các CQNN trên địa bàn tỉnh bao gồm Hệ thống cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống một cửa điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành, Hệ thống thư điện tử.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Đảm bảo quá trình vận hành của Hệ thống cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống một cửa điện tử, Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành, Hệ thống thư điện tử luôn được duy trì liên tục, cập nhật đầy đủ các thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, giao dịch với người dân và doanh nghiệp.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 1.770 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT**

#### **5.1. Nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả các dịch vụ công**

- Nội dung thực hiện: Tuyên truyền, quảng bá rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của các CQNN cho người dân và doanh nghiệp.

- Dự kiến hiệu quả đạt được:

+ Mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều có đầy đủ thông tin về các dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở các CQNN.

+ Mọi người dân, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa có thể dễ dàng khai



thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của CQNN bằng các phương tiện điện tử thông qua sự tư vấn, hỗ trợ, của Bộ phận tư vấn, hỗ trợ dịch vụ công.

- + Nâng cao trình độ, kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống dịch vụ công của cán bộ, công chức, viên chức trong việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

- + Kịp thời tham mưu lãnh đạo các cấp trong vấn đề cải cách các quy trình, các thủ tục hành chính công chưa phù hợp.

- + Giảm các chi phí thực hiện các dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.

- Phân công thực hiện:

- + Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sóc Trăng, Đài Truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu, ý nghĩa và tầm quan trọng, hiệu quả thiết thực của việc khai thác các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở các CQNN đến người dân và doanh nghiệp.

- + Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp thành lập Bộ phận tư vấn, hỗ trợ trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công.

- Kinh phí dự kiến: 400 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

## **5.2. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT**

- Nội dung thực hiện: Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách an toàn thông tin có bằng cấp đạt chuẩn quốc gia về an toàn, an ninh thông tin nhằm xây dựng đội ngũ quản trị viên mạng có đủ trình độ, năng lực ứng phó với các sự cố về mạng máy tính và các hành vi xâm nhập trái phép vào các hệ thống thông tin của các CQNN. Tổ chức học tập kinh nghiệm về an toàn, an ninh thông tin, kinh nghiệm xây Chính quyền điện tử. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ lãnh đạo - quản lý, công chức - viên chức về ứng dụng CNTT đáp ứng yêu cầu trong công việc và xây dựng thành công Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện.

- Kinh phí dự kiến: 888 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

## **6. Các hoạt động ứng dụng CNTT khác**

### **6.1. Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh Sóc Trăng**

- Nội dung thực hiện: Xây dựng các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng dần chỉ số ứng dụng CNTT của tỉnh và các chi phí phục vụ hoạt động điều hành công tác triển khai ứng dụng CNTT tại các sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh.

- Phân công thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực là đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh. Bên cạnh đó, các sở, ban ngành (trong Ban

Chỉ đạo) phối hợp với cơ quan thường trực xây dựng và triển khai các dự án một cách hiệu quả nhất.

- Kinh phí dự kiến: 1.614 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

### **6.2. Hỗ trợ tổ chức hội thi tin học trẻ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

- Nội dung thực hiện: Tổ chức cuộc thi tin học ứng dụng cho các đối tượng là học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Dự kiến hiệu quả đạt được: Khuyến khích các tài năng tin học trao dồi và phát triển sâu trong tương lai.

- Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn Sóc Trăng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cuộc thi theo đối tượng mình quản lý.

- Kinh phí dự kiến: 750 triệu đồng (Vốn sự nghiệp địa phương).

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Giải pháp tài chính**

- UBND tỉnh sẽ ưu tiên bố trí kinh phí cho ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh để đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đã đề ra.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tích cực tham mưu cho UBND tỉnh thu hút các nguồn tài chính khác để hỗ trợ triển khai thành công Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh.

- Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, tranh thủ tối đa các nguồn lực trong phạm vi quản lý của mình để đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý, đồng thời tham mưu lồng ghép các chương trình, dự án có liên quan để tạo thêm nguồn lực thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

### **2. Giải pháp triển khai**

- Việc triển khai các công trình, dự án về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN phải đặc biệt chú trọng đến hiệu quả đầu tư, có định hướng lâu dài mang tính kế thừa, tránh việc đầu tư dàn trải, gây lãng phí, không có trọng tâm, trọng điểm.

- Để đảm bảo tính chủ động và tiết kiệm trong triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phải chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực tại địa phương. Quan tâm đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tại Trung tâm CNTT và Truyền thông để có thể tiếp nhận chuyển giao công nghệ của các công trình, dự án sau khi đưa vào khai thác, tạo thế chủ động cho tỉnh trong quá trình hiệu chỉnh, nâng cấp, nhằm hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị khai thác tối đa hiệu quả đầu tư, giảm thiểu sự lệ thuộc về công nghệ đối với các doanh nghiệp bên ngoài.

- Quá trình đầu tư triển khai chú trọng đến công tác cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa những thủ tục không cần thiết; rút ngắn dần khoảng cách của



người dân, doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với các công trình, dự án có quy mô lớn, cần tổ chức triển khai thí điểm, rút kinh nghiệm, từng bước hiệu chỉnh hoàn thiện sau đó mới triển khai nhân rộng nhằm giảm thiểu mức độ rủi ro.

### **3. Giải pháp tổ chức**

- Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 đã được thành lập trong năm 2016, đây là đầu mối để thống nhất định hướng triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với tình hình thực tế ở từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông (Thường trực Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh) tham mưu cho Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT và UBND tỉnh điều hành, triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN; đồng thời tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút cán bộ chuyên trách về CNTT, tham mưu thành lập Đội ứng cứu thông tin phục vụ cho công tác đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Các Sở, ban ngành, UBND các cấp có trách nhiệm hoàn thiện và kiện toàn bộ máy chuyên trách về ứng dụng và phát triển CNTT.

- Người đứng đầu CQNN có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động ứng dụng CNTT trong lĩnh vực, địa phương và tổ chức thuộc cơ quan mình quản lý, gắn ứng dụng CNTT với chương trình cải cách hành chính. Ứng dụng CNTT phải gắn chặt chẽ với yêu cầu công việc của cơ quan. Lãnh đạo phải “vào cuộc” thực sự, phải chịu trách nhiệm về kết quả triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan mình.

### **4. Giải pháp môi trường pháp lý**

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh sau khi đã xây dựng và chính thức ban hành; tham mưu UBND tỉnh thực hiện các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy và khai thác hiệu quả các công trình, dự án về CNTT đã triển khai; xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách về biên chế, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT, đội ngũ giám sát, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của CQNN. Mặt khác, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối, hỗ trợ cho các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện trong việc triển khai các cơ chế, chính sách tại các cơ quan, đơn vị, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Tổng kinh phí thực hiện: **87.086** triệu đồng (Bằng chữ: Tám mươi bảy tỷ không trăm tám mươi sáu triệu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp Trung ương : 13.700 triệu đồng.
- Nguồn vốn sự nghiệp địa phương : 61.386 triệu đồng.
- Nguồn vốn trung hạn : 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

## **VII. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ DỰ KIẾN**

### **1. Năm 2016**

#### **1.1. Nội dung thực hiện**

- Bổ sung, nâng cấp thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ và đầu tư các thiết bị CNTT phục vụ triển khai mô hình một cửa điện tử cho 20 xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số cho lãnh đạo cơ quan và lãnh đạo cấp trưởng phó phòng thuộc các sở, ban ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh.
- Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh.
- Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN.
- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.
- Các hoạt động CNTT khác: Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh và tổ chức hội thi tin học trẻ.

#### **1.2. Kết quả**

- 100% Các Cổng, Trang thông tin điện tử của các CQNN trực thuộc UBND tỉnh đều cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định của Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.
- 100% các cuộc hội, họp giữa các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện đều có thể triển khai bằng hình thức trực tuyến thông qua hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh.
- 20% Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc.
- Người dân có thể tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại tất cả các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện và 60/109 xã, phường, thị trấn thông qua môi trường mạng.

### **2. Đến năm 2017**

#### **2.1. Nội dung thực hiện**

- Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.
- Mua sắm bổ sung thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh nhằm đảm bảo cho quá trình vận hành các ứng dụng CNTT đã triển khai hướng đến xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.
- Bổ sung, nâng cấp thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai hoàn tất Hệ thống Quản lý văn bản chỉ đạo, điều hành đến cấp xã. Đảm bảo liên thông văn bản điện tử từ Trung ương đến cấp xã.



- Triển khai Hệ thống một cửa điện tử (một cửa liên thông hiện đại) cho 49 xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng Cổng thông tin dịch vụ hành chính công của tỉnh và triển khai một số dịch vụ công cơ bản trực tuyến ở mức độ 3, 4. Đảm bảo liên thông các thông tin về tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính công liên thông từ Trung ương đến cấp xã.

- Các hoạt động CNTT thường xuyên: Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh. Tổ chức hội thi tin học trẻ. Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh. Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số cho lãnh đạo CQNN thuộc cấp xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Kết quả**

- 60 % văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan được trao đổi dưới dạng điện tử thông qua môi trường mạng (kể cả các văn bản gửi song song điện tử và giấy).

- 100% cơ quan quản lý nhà nước được kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản điện tử từ Trung ương đến cấp xã.

- 100% các cơ quan quản lý nhà nước có dịch vụ hành chính công được trang bị hệ thống một cửa điện tử (một cửa liên thông hiện đại). Hồ sơ, thủ tục hành chính được liên thông hoàn toàn trên môi trường mạng giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình xử lý. Tình trạng giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính được cung cấp liên thông từ Trung ương đến cấp xã. Người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện, tra cứu các hồ sơ, thủ tục hành chính công trực tuyến thông qua một địa chỉ duy nhất là Cổng thông tin dịch vụ hành chính công của tỉnh. Lãnh đạo các cấp có thể dễ dàng theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính ở tất cả các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc.

- Tỷ lệ các dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến đến mức độ 3 là 20%, mức độ 4 là 5%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc là 50%.

## **3. Đến năm 2018**

### **3.1. Nội dung thực hiện**

- Tiếp tục đầu tư mua sắm bổ sung thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh và bổ sung, nâng cấp thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh tạo nền tảng để triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Tiếp nhận, chuyển giao phần mềm lõi Khung kiến trúc chính quyền điện tử. Cài đặt, cấu hình, vận hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Triển khai hệ thống chứng thực, đăng nhập một lần cho cán bộ, công chức ở các cơ quan trong việc khai thác các ứng dụng trên nền tảng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Nâng cấp, chuẩn hóa hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Một cửa điện tử để vận hành trên nền tảng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến cấp xã trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh về: dân cư, y tế, giao thông vận tải, đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- Triển khai các hệ thống khai khoán dữ liệu để hỗ trợ công tác ra quyết định trong chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo.

- Xây dựng các hệ thống ISO điện tử cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Các hoạt động CNTT thường xuyên: Hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT. Tổ chức hội thi tin học trẻ. Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh. Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.

- Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số cho công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã trên địa bàn tỉnh.

### **3.2. Kết quả**

- 90 % Văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan được trao đổi dưới dạng điện tử thông qua môi trường mạng (kể cả các văn bản gửi song song điện tử và giấy).

- Tỷ lệ các dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến đến mức độ 3 là 40%, mức độ 4 là 10%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc là 80%.

- Tất cả các bộ, công chức chỉ cần đăng nhập một lần vào hệ thống Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng là có thể khai thác được tất cả các chương trình, ứng dụng, thông tin theo chức năng, quyền hạn được giao.

- Hệ thống ISO điện tử được công bố và kiểm tra hoàn toàn trên môi trường mạng thông qua các hệ thống thông tin đã triển khai, như: Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành, Một cửa điện tử liên thông,...

- Phần lớn công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo các ngành, các cấp đều có thể thực hiện thông qua môi trường mạng bằng các phương tiện điện tử trợ giúp.

- Tỷ lệ văn bản giấy gửi song song với văn bản điện tử giảm đáng kể thông qua việc ứng dụng chữ ký điện tử.



## **4. Đến năm 2019**

### **4.1. Nội dung thực hiện**

- Tiếp tục bổ sung, nâng cấp thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh tạo nền tảng để triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Tiếp tục hoàn thiện Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Chuẩn hóa hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống Công thông tin điện tử của tỉnh để vận hành trên nền tảng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Tiếp tục xây dựng một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành cấp tỉnh về: cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo tổng hợp chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; dân cư, tài nguyên, môi trường.

- Triển khai các hệ thống khai khoán dữ liệu để hỗ trợ công tác ra quyết định trong chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo.

- Xây dựng các hệ thống ISO điện tử cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình.

- Các hoạt động CNTT thường xuyên: Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh. Tổ chức hội thi tin học trẻ. Duy trì và vận hành hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh. Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.

### **4.2. Kết quả**

- 90% Văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan được trao đổi dưới dạng điện tử thông qua môi trường mạng (kể cả các văn bản gửi song song điện tử và giấy).

- Tỷ lệ các dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến đến mức độ 3 là 50%, mức độ 4 là 20%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc là 90%.

- Bước đầu hình thành Trung tâm hành chính của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố trên môi trường mạng.

- Phần lớn công tác ra quyết định trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp đều được cung cấp đầy đủ thông tin thực tiễn để hỗ trợ quyết định.

## **5. Đến năm 2020**

### **5.1. Nội dung thực hiện**

- Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện các thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh tạo nền tảng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.

- Hoàn thiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.
- Triển khai các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cấp tỉnh về: giáo dục, lao động và chính sách xã hội, đất đai – xây dựng, tài nguyên, môi trường, khoa học công nghệ.
- Hoàn thiện việc tích hợp đầy đủ các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh để hình thành nên cơ sở dữ liệu lớn (big data), hỗ trợ đầy đủ cho hệ thống hỗ trợ ra quyết định trên tất cả các ngành, các lĩnh vực đời sống, kinh tế, xã hội,...
- Tiếp tục hoàn thiện các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình.
- Xây dựng các hệ thống ISO điện tử cho các cơ quan quản lý nhà nước.
- Các hoạt động CNTT thường xuyên: Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT tỉnh. Tổ chức hội thi tin học trẻ. Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh. Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.

## 5.2. Kết quả

- Xây dựng thành công Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.
- Hầu hết các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan được trao đổi dưới dạng điện tử thông qua môi trường mạng.
- Tỷ lệ các dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến đến mức độ 3 là 60%, mức độ 4 là 30%.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử của tỉnh trong công việc là 100%.
- Hoàn thiện Trung tâm hành chính của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố trên môi trường mạng.
- Tất cả các thông tin đều được tích hợp, kết nối liên thông thông suốt từ Trung ương đến cấp xã.
- Tất cả các quyết định trong chỉ đạo, điều hành đều được hệ thống Hỗ trợ ra quyết định cung cấp đầy đủ thông tin, kết quả phân tích hiệu quả bước đầu của quyết định trên tất cả các ngành, các lĩnh vực cho lãnh đạo các cấp.
- Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động các CQNN sẽ góp phần làm nâng cao tính hiệu quả trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Từ các sở, ban ngành đến UBND cấp huyện, việc ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính thời gian tới sẽ tạo nhiều đột phá trong công tác quản lý nhà nước, tạo sự hài lòng cho tất cả mọi người dân, doanh nghiệp trong giao dịch hồ sơ, thủ tục hành chính với các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao sự công bằng, minh bạch trong hoạt động CQNN ở địa phương, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Triển khai ứng dụng và phát triển CNTT một cách thống nhất, đồng bộ, tiết kiệm trong đầu tư, mang lại hiệu quả thiết thực trong quản lý, điều hành, cải cách



hành chính, nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT gắn với chương trình tổng thể cải cách hành chính của tỉnh nhằm xây dựng “cơ quan điện tử”, “chính quyền điện tử” các cấp.

- Góp phần thay đổi nhận thức của cán bộ, công chức về khả năng ứng dụng CNTT trong hỗ trợ công tác quản lý, từng bước chuyển dần sang điều hành, tác nghiệp trên cơ sở các hệ thống thông tin đã xây dựng.

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT của tỉnh**

- Chỉ đạo các sở, ban ngành tỉnh và các địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch này.

- Giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, điều phối, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

### **2. Văn phòng UBND tỉnh**

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND cấp huyện triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành thông suốt, kịp thời của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Căn cứ Kế hoạch này, chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh kế hoạch thực hiện hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và UBND cấp huyện xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các hạng mục ứng dụng và phát triển CNTT một cách có hiệu quả. Đồng thời, triển khai các ứng dụng, hạng mục CNTT hàng năm đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Chủ động nghiên cứu, tham mưu, đề xuất thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp ứng dụng, phát triển CNTT và truyền thông trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Hàng năm thực hiện tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư, vốn sự nghiệp chi cho ứng dụng và phát triển CNTT. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, hạng mục CNTT trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

### **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên xem xét, cân đối đầu tư theo thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

### **5. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí cho các đề án, dự án thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch ứng dụng CNTT theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

## 6. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá kết quả triển khai ứng dụng CNTT gắn với mục tiêu cải cách hành chính của tỉnh.

## 7. Các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của đơn vị.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả và báo cáo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn và yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT theo kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng CNTT.

- Các cơ quan chủ trì thực hiện các dự án có trách nhiệm tổ chức xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai nếu có, tránh trùng lặp, lãng phí. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Hàng năm, cân đối kinh phí tại đơn vị để thực hiện duy trì, nâng cấp các ứng dụng CNTT đã được đầu tư.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thường xuyên theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức duy trì ứng dụng và phát triển CNTT tại đơn vị mình.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2016 - 2020./.

### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VX, TH, CN, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Hùng





PHỤ LỤC 02  
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2016-2020  
(Kèm theo Kế hoạch số 63 /KH-UBND ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

| TT | Tên dự án                                                                                                | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |       |        |       |       | Tổng kinh phí dự kiến | Nguồn vốn đầu tư                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------|--------|-------|-------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2016                             | 2017  | 2018   | 2019  | 2020  |                       |                                                                               |
| I  | Xây dựng hạ tầng kỹ thuật                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2.635                            | 8.615 | 16.300 | 5.000 | 3.800 | 36.350                |                                                                               |
| 1  | Mua sắm bổ sung thiết bị cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đầu tư bổ sung hệ thống máy chủ để ảo hóa.</li><li>- Đầu tư bổ sung hệ thống lưu trữ để đảm bảo năng lực lưu trữ và dự phòng cho hệ thống.</li><li>- Đầu tư bổ sung các trang thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.</li><li>- Đầu tư thiết bị chuyển mạch (Switch) tốc độ cao để đảm bảo năng lực chuyển mạch cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh.</li></ul> |                                  | 3.000 | 5.000  |       |       | 8.000                 | + Vốn ĐTPT địa phương (Trung hạn): 5.000<br>+ Vốn sự nghiệp địa phương: 3.000 |
| 2  | Bổ sung, nâng cấp thiết bị và đường truyền, hoạt động cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh | <ul style="list-style-type: none"><li>- Phát triển ngày càng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các đơn vị quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT.</li><li>- Phục vụ việc truyền tải thông tin thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp huyện, từ cấp huyện đến cấp xã trên phạm vi toàn tỉnh một cách nhanh chóng với độ an toàn và bảo mật cao.</li></ul>                                        | 2.635                            | 5.115 | 2.000  | 4.000 | 3.800 | 17.550                | Vốn sự nghiệp địa phương                                                      |

ĐVT: triệu đồng

| TT | Tên dự án                                                                           | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |      |       |       |      | Tổng kinh phí dự kiến | Nguồn vốn đầu tư                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|-------|-------|------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2016                             | 2017 | 2018  | 2019  | 2020 |                       |                                                                         |
| 3  | Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định bức tranh ứng dụng CNTT tổng thể của tỉnh. Trong đó có các thành phần và mối quan hệ giữa chúng, gắn liền ứng dụng CNTT với các hoạt động nghiệp vụ;</li> <li>- Nâng cao khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin;</li> <li>- Hạn chế đầu tư trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai;</li> <li>- Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế;</li> <li>- Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống CNTT cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai.</li> </ul> |                                  | 500  |       |       |      | 500                   | Vốn sự nghiệp địa phương                                                |
| 4  | Xây dựng Phần mềm lõi triển khai Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng | Cụ thể hóa Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng bằng hệ thống các phần mềm, tạo nên hệ thống phần mềm lõi trong ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động của các cơ quan Quản lý Nhà nước. Kết nối liên thông thông tin giữa các cơ quan trong tỉnh. Sẵn sàng kết nối liên thông đến các tỉnh khác và các cơ quan Trung ương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |      | 5.300 | 1.000 |      | 6.300                 | Vốn ĐTPT địa phương (Trung hạn): 5.300, vốn sự nghiệp địa phương: 1.000 |



| TT | Tên dự án                                                        | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |       |        |       |        | Tổng<br>lĩnh<br>phí<br>dự<br>kiến | Nguồn vốn<br>đầu tư      |
|----|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------|--------|-------|--------|-----------------------------------|--------------------------|
|    |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2016                             | 2017  | 2018   | 2019  | 2020   |                                   |                          |
| 5  | Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình đến cấp xã              | Các cuộc họp của các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện có thể triển khai trên hệ thống Hội nghị truyền hình đến cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                     |                                  |       | 4.000  |       |        | 4.000                             | Vốn sự nghiệp địa phương |
| II | Ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0                                | 2.000 | 10.000 | 8.200 | 10.000 | 30.200                            |                          |
| 1  | Xây dựng hệ thống thông tin Quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao năng lực trong chỉ đạo, điều hành của các CQNN trên địa bàn tỉnh.</li> <li>Giảm văn bản giấy tờ trong chỉ đạo điều hành của các ngành, các cấp.- Tiết kiệm chi phí trong hoạt động của các cơ quan.</li> <li>Liên thông với Văn phòng Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử.</li> </ul> |                                  | 2.000 |        |       |        | 2.000                             | Vốn sự nghiệp địa phương |

| TT  | Tên dự án                                                                   | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |      |       |       |       | Tổng<br>kinh<br>phí<br>dự<br>kiến | Nguồn vốn<br>đầu tư      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|-------|-------|-------|-----------------------------------|--------------------------|
|     |                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2016                             | 2017 | 2018  | 2019  | 2020  |                                   |                          |
| 2   | Xây dựng hệ thống ISO điện tử                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự động hóa việc quản lý tiêu chuẩn, chất lượng theo TCVN ISO 9001 thông qua kết quả khai thác các chương trình ứng dụng, các hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động của CQNN trên địa bàn tỉnh.</li> <li>- Giảm tối thiểu chi phí, thời gian cho việc kiểm tra, quản lý, công bố các tiêu chuẩn chất lượng tại các CQNN.</li> </ul> |                                  |      | 500   | 500   | 500   | 1.500                             | Vốn sự nghiệp địa phương |
| 3   | Xây dựng các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo nền tảng để triển khai Chính quyền điện tử tỉnh Sóc Trăng.</li> <li>- Nâng cao giá trị sử dụng của các chương trình, dự án đã triển khai.</li> </ul>                                                                                                                                                                               |                                  | 0    | 9.500 | 7.700 | 9.500 | 26.700                            |                          |
| 3.1 | Chuẩn hóa hệ thống một cửa điện tử                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |      | 1.000 |       |       |                                   |                          |
| 3.2 | Chuẩn hóa hệ thống quản lý văn bản và điều hành                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |      |       | 500   |       |                                   |                          |
| 3.2 | Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |      |       | 1.200 |       |                                   | Vốn sự nghiệp Trung ương |
| 3.3 | Xây dựng Hệ thống báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |      |       | 2.000 |       |                                   |                          |



| TT   | Tên dự án                                                                     | Mục tiêu | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |      |       |       |       | Tổng<br>lĩnh<br>phí<br>dự<br>kiến | Nguồn vốn<br>đầu tư      |
|------|-------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------|------|-------|-------|-------|-----------------------------------|--------------------------|
|      |                                                                               |          | 2016                             | 2017 | 2018  | 2019  | 2020  |                                   |                          |
| 3.4  | Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giáo dục                      |          |                                  |      |       |       | 3.000 |                                   |                          |
| 3.5  | Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về y tế                          |          |                                  |      | 2.000 |       |       |                                   |                          |
| 3.6  | Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về giao thông vận tải            |          |                                  |      | 2.000 |       |       |                                   |                          |
| 3.7  | Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về lao động và chính sách xã hội |          |                                  |      |       |       | 2.000 |                                   |                          |
| 3.8  | Xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư                                              |          |                                  |      | 2.000 | 1.000 |       |                                   |                          |
| 3.9  | Xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai - xây dựng                                  |          |                                  |      |       |       | 2.000 |                                   |                          |
| 3.10 | Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường                              |          |                                  |      |       |       | 1.500 |                                   | Vốn sự nghiệp địa phương |
| 3.11 | Xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ                                  |          |                                  |      |       |       | 1.000 |                                   |                          |
| 3.12 | Xây dựng hệ thống quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo                           |          |                                  |      | 1.500 |       |       |                                   |                          |

| TT   | Tên dự án                                                       | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |       |       |       |      | Tổng<br>kinh<br>phí<br>dự<br>kiến | Nguồn vốn<br>đầu tư      |
|------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------|-------|-------|------|-----------------------------------|--------------------------|
|      |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2016                             | 2017  | 2018  | 2019  | 2020 |                                   |                          |
| 3.13 | Chuẩn hóa cổng thông tin điện tử tỉnh                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |       | 1.000 | 2.000 |      |                                   |                          |
| III  | Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1.800                            | 5.668 | 0     | 500   | 500  | 8.468                             |                          |
| 1    | Triển khai Hệ thống một cửa điện tử cho 49 xã, phường, thị trấn | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn tất việc triển khai hệ thống một cửa điện tử ở tất cả các cơ quan quản lý Nhà nước trên phạm vi toàn tỉnh.</li> <li>- Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác giải quyết các hồ sơ, thủ tục hành chính công với người dân và doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh hiện đại hóa, công nghiệp hóa tại một số xã nông thôn mới. Tạo điều kiện để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.</li> </ul> | 1.800                            | 4.668 |       |       |      | 6.468                             | Vốn sự nghiệp địa phương |



| TT | Tên dự án                                                                                            | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |       |       |       |       | Tổng kinh phí dự kiến | Nguồn vốn đầu tư         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------|-------|-------|-------|-----------------------|--------------------------|
|    |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2016                             | 2017  | 2018  | 2019  | 2020  |                       |                          |
| 2  | Xây dựng Cổng dịch vụ công của tỉnh và triển khai một số dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3,4 : | <p>- Nâng cao chất lượng phục vụ dịch vụ công và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong giao dịch các hồ sơ, thủ tục với CQNN tại một địa chỉ duy nhất.- Nâng cao chỉ số cạnh tranh và thu hút đầu tư của tỉnh.- Nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính.- Công khai, minh bạch tất cả các thông tin về tiếp nhận, xử lý dịch vụ công của CQNN cho tất cả người dân và doanh nghiệp.</p> | 1.196                            | 1.220 | 3.000 | 1.500 | 1.500 | 2.000                 | Vốn sự nghiệp địa phương |
| IV | Đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động của các CQNN                                                 | Đảm bảo tính pháp lý của các thông tin được trao đổi qua môi trường mạng giữa các bộ, công chức, viên chức giữa các cơ quan, giữa cơ quan với người dân và doanh nghiệp; Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Hỗ trợ việc cung cấp các dịch vụ công mức độ 4.                                                                                                                                                                                                                   | 80                               | 80    | 100   |       |       | 260                   | Vốn sự nghiệp địa phương |
| 1  | Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong giao dịch của các CQNN                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                  |       |       |       |       |                       |                          |

| TT | Tên dự án                                                                                                                           | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |      |       |       |       | Tổng<br>kinh<br>phí<br>dự<br>kiến | Nguồn vốn<br>đầu tư             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|-------|-------|-------|-----------------------------------|---------------------------------|
|    |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2016                             | 2017 | 2018  | 2019  | 2020  |                                   |                                 |
| 2  | Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên hệ thống mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước | <p>- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và phòng chống các cuộc tấn công mạng trên hệ thống mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.- Ngăn chặn tình trạng lây lan, phát tán virus, phần mềm độc hại giữa các cơ quan tham gia vào hệ thống Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.- Kịp thời phát hiện các nguồn gốc nguy cơ và có biện pháp chủ động xử lý, đối phó.</p> |                                  |      | 1.700 |       |       | 1.700                             | Vốn ĐTPT địa phương (Trung hạn) |
| 3  | Duy trì và vận hành hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh                                                                            | Đảm bảo quá trình vận hành của Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đây là kênh truy cập thuận tiện cung cấp thông tin hữu ích cho các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước cũng như về truy cập thông tin kinh tế về kêu gọi hợp tác đầu tư trên địa bàn tỉnh.                                                                                                                                                                    | 946                              | 840  | 900   | 1.000 | 1.000 | 4.686                             | Vốn sự nghiệp địa phương        |



| TT | Tên dự án                                                                                         | Mục tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Dự kiến phân kỳ đầu tư thực hiện |      |      |      |      | Tổng kinh phí dự kiến | Nguồn vốn đầu tư         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------|------|------|------|-----------------------|--------------------------|
|    |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2016                             | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |                       |                          |
| 4  | Bảo trì, vận hành các hệ thống thông tin cấp tỉnh cho các CQNN                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kịp thời khắc phục, chỉnh sửa những lỗi phát sinh trong quá trình xử lý dữ liệu hoặc hoạt động của các hệ thống thông tin.</li> <li>- Kiểm tra, cải thiện hiệu năng của các hệ thống qua một thời gian sử dụng.</li> </ul>                                                                       | 170                              | 300  | 300  | 500  | 500  | 1.770                 | Vốn sự nghiệp địa phương |
| V  | Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 88                               | 300  | 300  | 300  | 300  | 1.288                 |                          |
| 1  | Nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp ứng dụng hiệu quả các dịch vụ công | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ người dân làm quen các giao dịch với CQNN qua môi trường mạng. Từng bước hình thành công dân điện tử.- Nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao chất lượng dịch vụ công.- Giám các chi phí thực hiện các dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp.</li> </ul> | 0                                | 100  | 100  | 100  | 100  | 400                   | Vốn sự nghiệp địa phương |
| 2  | Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT                                              | Xây dựng được nguồn nhân lực CNTT có đủ trình độ tham mưu, vận hành, khai thác và phát triển các hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị đảm bảo đáp ứng các mục tiêu đề ra của Kế hoạch                                                                                                                                                   | 88                               | 200  | 200  | 200  | 200  | 888                   | Vốn sự nghiệp địa phương |

| VI               | Các hoạt động ứng dụng CNTT khác                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 564          | 450           | 450           | 450           | 450           | 450           | 2.364 | Vốn sự nghiệp địa phương |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-------|--------------------------|
| 1                | Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT CNTT tỉnh Sóc Trăng • | Phục vụ các hoạt động quản lý, đề thúc đẩy phát triển và ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                                               | 414          | 300           | 300           | 300           | 300           | 300           | 1.614 | Vốn sự nghiệp địa phương |
| 2                | Hỗ trợ tổ chức hội thi tin học trẻ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ cho Tỉnh đoàn tổ chức hội thi tin học trẻ cho các đối tượng là đoàn B31 thanh niên.</li> <li>Hỗ trợ cho Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội thi tin học cho đối tượng là học sinh các cấp và tham dự hội thi tin học toàn quốc</li> </ul> | 150          | 150           | 150           | 150           | 150           | 150           | 750   | Vốn sự nghiệp địa phương |
|                  | <b>Tổng cộng</b>                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>6.283</b> | <b>18.253</b> | <b>30.050</b> | <b>15.950</b> | <b>16.550</b> | <b>87.086</b> |       |                          |
| <b>Trong đó:</b> |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |              |               |               |               |               |               |       |                          |
|                  | Tổng nguồn sự nghiệp TW                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0            | 0             | 5.000         | 3.700         | 5.000         | 13.700        |       |                          |
|                  | Tổng nguồn sự nghiệp ĐP                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6.283        | 18.253        | 13.050        | 12.250        | 11.550        | 61.386        |       |                          |
|                  | Tổng vốn Trung hạn                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0            | 0             | 12.000        | 0             | 0             | 12.000        |       |                          |





**PHỤ LỤC 01**  
**BẢNG TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ THỰC HIỆN ĐẾN HẾT NĂM 2015**  
**SO VỚI KẾ HOẠCH 2011-2015 (Kế hoạch số 21/KH-UBND)**  
(Kèm theo Kế hoạch số 63 /KH-UBND ngày 01 /6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: triệu đồng.

| STT | Tên dự án/nhiệm vụ                                                       | Mục tiêu, quy mô                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời gian thực hiện | Tổng kinh phí | Dự kiến tổng kinh phí |                   | Vốn đã bố trí đến hết năm 2015 |                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|-----------------------|-------------------|--------------------------------|-------------------|
|     |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |               | Ngân sách địa phương  | Vốn hợp pháp khác | Ngân sách địa phương           | Vốn hợp pháp khác |
| 1   | Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ cho các cơ quan quản lý nhà nước các cấp | Tiếp tục xây dựng, củng cố hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn. Đảm bảo kết nối thông suốt vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến huyện, xã, phường, thị trấn với tốc độ cao và an toàn, bảo mật | 2011-2012           | 24.000        | 24.000                | 0                 | 8.163                          | 0                 |
| 2   | Xây dựng hệ thống thư điện tử                                            | Cung cấp đầy đủ số lượng hộp thư phục vụ cho tất cả cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tốc độ nhanh và dung lượng hộp thư đáp ứng nhu cầu sử dụng cho hầu hết cán bộ, công chức                                                                                                                   | 2011-2012           | 3.613         | 3.613                 | 0                 | 1.300                          | 0                 |
| 3   | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành.       | Triển khai chương trình quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành thống nhất cho các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố. Tạo điều kiện thuận lợi để truyền đưa, trao đổi văn bản điện tử giữa các CQNN trên phạm vi toàn tỉnh.                                                                             | 2011-2015           | 8.580         | 8.580                 | 0                 | 0                              | 0                 |

|    |                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                   |           |        |        |   |        |   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|--------|---|--------|---|
| 4  | Xây dựng hệ thống Hội nghị truyền hình                                                                | Đảm bảo các cuộc họp của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành cấp tỉnh với UBND các huyện, thành phố có thể được tổ chức thường xuyên thông qua môi trường mạng                                           | 2011-2012 | 7.286  | 7.286  | 0 | 5.300  | 0 |
| 5  | Xây dựng Công thông tin điện tử của tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp                         | Phục vụ đặc lực cho chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp, phục vụ nhu cầu thông tin, cung cấp các dịch vụ hành chính công cho người dân và doanh nghiệp.                                       | 2010-2012 | 7.566  | 7.566  | 0 | 5.500  | 0 |
| 6  | Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh                                                 | Đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT ngày càng tăng của tỉnh.                                                                                                                                            | 2011-2015 | 9.500  | 9.500  | 0 | 6.168  | 0 |
| 7  | Thuê hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các CQNN                                            | Phục vụ việc truyền tải thông tin thông suốt từ tỉnh đến huyện, thành phố. Từ huyện, thành phố đến xã, phường, thị trấn trên phạm vi toàn tỉnh một cách nhanh chóng với độ an toàn và bảo mật cao | 2011-2015 | 2.500  | 2.500  | 0 | 2.107  | 0 |
| 8  | Triển khai mô hình một cửa điện tử liên thông ở các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố | Ứng dụng CNTT vào chương trình cải cách hành chính của tỉnh. Giúp CQNN thực hiện, quản lý các thủ tục hành chính nhanh chóng, hiệu quả hơn. Phục vụ cho người dân tốt hơn                         | 2011-2015 | 12.000 | 12.000 | 0 | 11.955 | 0 |
| 9  | Cung cấp các dịch vụ hành chính công trên công thông tin điện tử của tỉnh                             | Triển khai tích hợp các dịch vụ hành chính công và cung cấp trực tuyến lên cổng thông tin điện tử của tỉnh.                                                                                       | 2011-2015 | 5.000  | 5.000  | 0 | 150    | 0 |
| 10 | Phát triển nguồn nhân lực CNTT                                                                        | Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực CNTT song song với phát triển các nguồn lực khác nhằm đảm bảo toàn bộ Kế hoạch ứng dụng CNTT của tỉnh được triển khai đồng bộ và hiệu quả                      | 2011-2015 | 5.000  | 5.000  | 0 | 445    | 0 |



|                  |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |                |                |          |               |          |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|----------------|----------|---------------|----------|
| 11               | Đảm bảo kinh phí duy trì, vận hành hệ thống Công thông tin điện tử của tỉnh                                          | Đảm bảo nguồn kinh phí để thuê kênh thuê riêng cho hoạt động hệ thống công thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử của tỉnh. Các chi phí chi trả thù lao, nhuận bút, bồi dưỡng các Ban biên tập để duy trì, vận hành hiệu quả hệ thống Công thông tin điện tử của tỉnh.    | 2011-2015 | 10.000         | 10.000         | 0        | 5.534         | 0        |
| 12               | Đảm bảo kinh phí bảo dưỡng, duy trì hoạt động hệ thống mạng nội bộ cho các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố. | Đảm bảo nguồn kinh phí để bảo dưỡng, duy trì hoạt động hệ thống mạng nội bộ, các chương trình ứng dụng cho các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố. Giúp hệ thống thông tin ở các đơn vị hoạt động liên tục và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT trong hoạt động. | 2011-2015 | 10.000         | 10.000         | 0        | 4.892         | 0        |
| 13               | Số hóa nguồn thông tin phục vụ hoạt động của CQNN                                                                    | Số hóa các văn bản giấy thành văn bản điện tử                                                                                                                                                                                                                                | 2011-2012 | 4.000          | 4.000          | 0        | 0             | 0        |
| 14               | Các hoạt động ứng dụng CNTT khác                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2011-2015 | 1.927          | 1.927          | 0        | 1.927         | 0        |
| 14.1             | Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho hệ thống công thông tin điện tử thành phần                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 696            | 696            | 0        | 696           | 0        |
| 14.2             | Kinh phí hội thi tin học trẻ                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 750            | 750            | 0        | 750           | 0        |
| 14.3             | Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | 481            | 481            | 0        | 481           | 0        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                              |           | <b>110.972</b> | <b>110.972</b> | <b>0</b> | <b>53.441</b> | <b>0</b> |

Tỷ lệ đạt được so với Kế hoạch 05 năm là: 48,2%



### PHỤ LỤC 03

#### DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 Ở CÁC SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 63 /KH-UBND, ngày 01/6/2017  
của UBND tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Nhóm thủ tục hành chính                                                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam |
| 2   | Cấp phép văn phòng đại diện                                                                   |
| 3   | Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu                                      |
| 4   | Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu                                       |
| 5   | Cấp phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá                                                |
| 6   | Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư                                               |
| 7   | Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình                                 |
| 8   | Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng                                                         |
| 9   | Cấp phép xây dựng                                                                             |
| 10  | Cấp phép quy hoạch xây dựng                                                                   |
| 11  | Cấp phép bưu chính                                                                            |
| 12  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật                               |
| 13  | Cấp giấy chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y                                          |
| 14  | Cấp chứng nhận hoạt động tàu cá                                                               |
| 15  | Cấp Giấy phép khai thác thủy sản                                                              |
| 16  | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả an toàn                             |
| 17  | Cấp phiếu lý lịch tư pháp                                                                     |
| 18  | Đăng ký hành nghề luật sư                                                                     |
| 19  | Khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                |
| 20  | Giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                  |
| 21  | Cấp, đổi giấy phép lái xe                                                                     |
| 22  | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp                                                       |
| 23  | Cấp giấy chứng nhận đầu tư                                                                    |
| 24  | Cấp phép lao động cho người nước ngoài                                                        |



|    |                                                                                                                |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 25 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ                                                    |
| 26 | Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tế tư nhân                                                          |
| 27 | Cấp chứng chỉ hành nghề dược                                                                                   |
| 28 | Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc                                                                           |
| 29 | Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao                                                                               |
| 30 | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất                                                                          |
| 31 | Chuyển đổi mục đích sử dụng đất                                                                                |
| 32 | Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê quyền sử dụng đất                                                      |
| 33 | Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp                                                               |
| 34 | Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo                                                                              |
| 35 | Cấp phép lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân (Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)                   |
| 36 | Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.                                                                           |
| 37 | Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại                                                           |
| 38 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản. |
| 39 | Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản                                                                      |



#### **PHỤ LỤC 04**

### **DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 Ở CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Kế hoạch số **63** /KH-UBND ngày **01** /6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng)*

| <b>STT</b> | <b>Nhóm thủ tục hành chính</b>                       |
|------------|------------------------------------------------------|
| 1          | Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ                     |
| 2          | Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất               |
| 3          | Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất                |
| 4          | Cấp giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường |





## PHỤ LỤC 05

### DANH MỤC CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3 VÀ 4 Ở CẤP PHƯỜNG/XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Nhóm thủ tục hành chính           |
|-----|-----------------------------------|
| 1   | Khai sinh                         |
| 2   | Kết hôn                           |
| 3   | Đăng ký việc giám hộ              |
| 4   | Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ |